

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 1305/QĐ-TTg ngày 01/10/2001 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 634/QĐ-TTg ngày 20/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đầu tư Dự án xây dựng cầu Bãi Cháy trên quốc lộ 18.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Bộ Giao thông vận tải (Văn bản số 773/GTVT-KHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2001 và số 1307/GTVT-KHĐT ngày 03 tháng 5 năm 2001) và ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Văn bản số 4965/BKH-VPTĐ ngày 24 tháng 7 năm 2001),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 634/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đầu tư Dự án xây dựng cầu Bãi Cháy trên quốc lộ 18 như sau:

1. Sửa đổi khoản 3 và khoản 4 Điều 1 như sau:

"3. Quy mô công trình và tiêu chuẩn thiết kế:

a) Phân cầu:

- Quy mô công trình:

+ Cầu xây dựng mới vĩnh cửu, toàn cầu dài khoảng 903m, gồm:

• Cầu dây văng một mặt phẳng dây, dài 866m, chiều dài nhịp chính 435m.

• Một nhịp dẫn dài 35m.

+ Khổ cầu: rộng 25,3m đảm bảo cho 4 làn xe cơ giới (4 x 3,5m) + 2 làn xe thô sơ và người đi bộ (2 x 2,5m).

+ Tĩnh không thông tuyến: H = 50m, B = 130m (cho tàu 40.000 DWT).

- Tiêu chuẩn thiết kế:

+ Tải trọng thiết kế:

• Phần xe cơ giới: 1.25 HS 20 - 44 theo AASHTO (tương đương tải trọng H30 - XB80 theo tiêu chuẩn Việt Nam).

• Phần xe thô sơ và người đi bộ: 300 kg/m².

+ Cấp động đất: cấp 7.

b) Phần đường:

- Đường vào cầu: đường đô thị cấp II, có 4 làn xe cơ giới; tốc độ thiết kế $V_{tk} = 80$ km/h. Toàn tuyến dài khoảng 5 km, trong đó khoảng 0,9 km cải tạo nâng cấp đường cũ và 4,6 km làm mới, bao gồm đoạn phía Bãi Cháy dài 1,8 km và đoạn phía Hòn Gai dài khoảng 2,8 km (trong đó 1,12 km có vỉa hè 2 bên, mỗi bên rộng 4 m). Có 8 cầu với tổng chiều dài khoảng 1.172 m.

- Đường nhánh rẽ hai đầu cầu: tổng chiều dài 2,74 km. Bề rộng nền 6,5 m, bề rộng mặt 5,5 m (cho đoạn 2 làn xe cơ giới). Bề rộng nền 4 m, bề rộng mặt 3 m (cho đoạn tách riêng 2 chiều, mỗi chiều 1 làn xe).

c) Các công trình phụ trợ:

- Thang máy lên cầu phục vụ khách bộ hành và du lịch.

- Thiết bị duy tu bảo dưỡng cầu.

4. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn:

- Tổng mức đầu tư: 10.210 triệu Yên Nhật Bản và 836.898 triệu đồng (tương đương khoảng 16.920 triệu Yên Nhật Bản theo tỷ giá 1 Yên = 127,7 đồng)".

2. Sửa đổi phần nhỏ 3 (-) khoản 6 Điều 1 như sau:

- Tiến độ thực hiện: khởi công tháng 6 năm 2002, hoàn thành tháng 12 năm 2005.

3. Bổ sung phần nhỏ 4 (-) khoản 1 Điều 2:

- Làm việc với Bộ Quốc phòng để thống nhất các vấn đề dự án có liên quan đến quốc phòng.

Điều 2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 146/2001/QĐ-TTg ngày 02/10/2001 về việc xử lý nợ tồn đọng của Hợp tác xã nông nghiệp.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị quyết số 39/2000/QH10 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa X kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2000;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử lý các khoản nợ của các Hợp tác xã nông nghiệp phát sinh từ năm 1996 về trước (thời điểm trước khi thực hiện Luật Hợp tác xã), theo nguyên tắc sau:

1. Đối với các khoản nợ phải trả của các Hợp tác xã nông nghiệp đã giải thể, Hợp tác xã nông nghiệp đã được chuyển đổi và đăng ký kinh doanh theo Nghị định số 16/CP ngày 12 tháng 2 năm 1997 của Chính phủ về chuyển đổi, đăng ký Hợp tác xã và tổ chức hoạt động của Liên hiệp Hợp tác xã (gọi tắt là hợp tác xã chuyển đổi) được xử lý như sau:

a) Xóa nợ đối với các khoản nợ phải trả của Hợp tác xã nông nghiệp đã giải thể;

b) Xóa nợ đối với các khoản nợ phải trả của Hợp tác xã đã chuyển đổi mà các Hợp tác xã này quá khó khăn về tài chính (kinh doanh thua lỗ) không có khả năng trả nợ;

c) Xóa nợ đối với các khoản nợ phải trả của Hợp tác xã nông nghiệp đang còn hoạt động (kinh doanh có lãi), mà số tiền vay này được sử dụng để đầu tư cơ sở hạ tầng, nhưng nay các cơ sở hạ tầng đó đã bị hư hỏng, thiệt hại do thiên tai, bão lụt tàn phá.

2. Những Hợp tác xã nông nghiệp đang còn hoạt động, có khả năng trả nợ (kinh doanh có lãi) nhưng cố tình dấy dưng thì áp dụng các biện pháp cưỡng chế thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Hợp tác xã nông nghiệp chưa nộp vào ngân sách khoản tiền từ nguồn thu thuế của xã viên mà sử dụng vào đầu tư cơ sở hạ tầng (điện, đường, trường, trạm...) có công trình đã hoàn thành hiện đang khai thác, sử dụng thì cho phép ghi thu ngân sách địa phương, ghi chi xây dựng cơ bản theo đúng giá trị của công trình.

4. Trường hợp Hợp tác xã nông nghiệp sử dụng các khoản tiền thuế sử dụng đất nông nghiệp,